

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả khảo sát hình thi hành pháp luật về công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022, Sở Tư pháp đã xây dựng Phương án và tổ chức thực hiện khảo sát tình hình thi hành pháp luật về công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022. Căn cứ kết quả khảo sát, Sở Tư pháp báo cáo tổng hợp kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban hành văn bản thực hiện

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 110/QĐ-STP ngày 23/6/2022 ban hành Phương án khảo sát tình hình thi hành pháp luật về công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Xây dựng phiếu khảo sát

Sở Tư pháp xây dựng 04 mẫu phiếu khảo sát gồm:

- **Phiếu khảo sát số 01:** Khảo sát ý kiến của 50 cơ quan, đơn vị về tình hình thi hành pháp luật, việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công chứng.

- **Phiếu khảo sát số 02:** Khảo sát ý kiến của 100 cá nhân về đánh giá tình hình thi hành pháp luật về công chứng.

- **Phiếu khảo sát số 03:** Khảo sát ý kiến của 50 cơ quan, đơn vị về tình hình thi hành pháp luật, việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực.

- **Phiếu khảo sát số 04:** Khảo sát ý kiến của 100 cá nhân về đánh giá tình hình thi hành pháp luật về chứng thực.

3. Phương thức khảo sát: Sở Tư pháp phối hợp với Bưu điện tỉnh Tuyên Quang tổ chức lấy ý kiến của đối tượng khảo sát.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Kết quả khảo sát đối với cơ quan, đơn vị các cơ quan, đơn vị về tình hình thi hành pháp luật, việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực (Phiếu khảo sát số 01)

Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến trực tiếp của 50 cơ quan, đơn vị, gồm: Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Công an tỉnh; các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài

nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân một số xã, phường, thị trấn; một số doanh nghiệp, hợp tác xã. Kết quả khảo sát như sau:

1.1. Đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng ở địa phương

a) Về mức độ kịp thời, đầy đủ trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá mức độ kịp thời, đầy đủ trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước, như sau:

- Có 30/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã kịp thời và đầy đủ, chiếm 60%.

- Có 11/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã kịp thời nhưng chưa đầy đủ, chiếm 22%.

- Có 06/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đầy đủ nhưng chưa kịp thời, chiếm 12%.

- Có 03/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước chưa kịp thời, chưa đầy đủ, chiếm 6%.

b) Về tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng theo quy định hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay, như sau:

- Có 48/48 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay đã phù hợp, chiếm 100%.

- Có 0/48 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 0%.

c) Về tính phù hợp của quy định về mức phí, thù lao công chứng như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định về mức phí, thù lao công chứng như hiện nay, như sau:

- Có 19/50 câu trả lời đánh giá mức phí, thù lao công chứng quy định như hiện nay cao, chiếm 38%.

- Có 21/50 câu trả lời đánh giá mức phí, thù lao công chứng quy định như hiện nay thấp, chiếm 42%.

- Có 10/50 câu trả lời đánh giá khác về quy định hiện nay đối với mức phí, thù lao công chứng, chiếm 20%. Trong đó có 09 ý kiến đánh giá mức phí đã phù hợp, chiếm 18%; 01 ý kiến đánh giá mức phí trung bình, chiếm 2%.

d) Về đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực, như sau:

- Có 46/50 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực là phù hợp, chiếm 92%.

- Có 04/50 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực là không phù hợp, chiếm 08%. Trong đó, có 01 câu trả lời đánh giá quy định trên không phù hợp vì không đảm bảo an toàn pháp lý, 01 câu trả lời đánh giá quy định trên tạo ra sự bất cập, chứng thực là chỉ chứng thực chữ ký, không chứng nhận nội dung tuy nhiên có những hợp đồng phải bắt buộc chứng nhận về mặt nội dung nhưng khi ra phòng chỉ chứng thực chữ ký.

đ) Đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay, như sau:

- Có 46/49 câu trả lời đánh giá các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 93,9%.

- Có 03/49 câu trả lời đánh giá các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo, chiếm 6,1%. Trong đó có 02 câu trả lời cho biết nguyên nhân đánh giá các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo (01 câu trả lời cho rằng quy định về phí, thù lao công chứng chưa phù hợp; 01 câu trả lời cho rằng nhiều điều luật còn chung chung chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể khiến cho quan điểm của các công chứng viên khác nhau dẫn đến khó khăn trong thực hiện thủ tục).

1.2. Đánh giá về tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về công chứng

a) Về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 25/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời và sinh động, chiếm 50%.

- Có 20/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời nhưng chưa sinh động, chiếm 40%.

- Có 05/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành sinh động nhưng chưa thường xuyên, kịp thời, chiếm 10%.

- Có 0/50 câu trả lời có ý kiến khác trong đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước, chiếm 0%.

b) Về hình thức thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về hình thức thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 30/50 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước thông qua tờ rơi, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chiếm 60%.

- Có 24/50 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước thông qua các hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tập huấn, chiếm 48%.

- Có 29/50 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước thông qua website của các cơ quan nhà nước, chiếm 58%.

- Có 20/50 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước thông qua chương trình phát thanh, truyền hình, chiếm 40%.

- Có 0/50 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước thông qua hoạt động khác, chiếm 0%.

c) Đánh giá về hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng

- Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp tờ rơi, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Mức độ rất cao có 05/49 câu trả lời, chiếm 10,2%; mức độ cao có 32/49 câu trả lời, chiếm 65,3%; mức độ trung bình có 12/49 câu trả lời, chiếm 24,5%; mức độ thấp có 0/49 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tập huấn: Mức độ rất cao có 04/48 câu trả lời, chiếm 8,3%; mức độ cao có 36/48 câu trả lời, chiếm 75%; mức độ trung bình có 07/48 câu trả lời, chiếm 14,6%; mức độ thấp có 01/48 câu trả lời, chiếm 2,1%.

- Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua website của các cơ quan nhà nước: Mức độ rất cao có 05/49 câu trả lời, chiếm 10,2%; mức độ cao có 36/49 câu trả lời, chiếm 73,5%; mức độ trung bình có 08/49 câu trả lời, chiếm 16,3%; mức độ thấp có 0/49 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 47 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua chương trình phát thanh, truyền hình: Mức độ rất cao có 04/47 câu trả lời, chiếm 8,5%; mức độ cao có 30/47 câu trả lời, chiếm 63,8%; mức độ trung bình có 13/47 câu trả lời, chiếm 27,7%; mức độ thấp có 0/47 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 38 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động khác nhằm thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn: Mức độ rất cao có 0/38 câu trả lời, chiếm 0%; mức

độ cao có 17/38 câu trả lời, chiếm 44,7%; mức độ trung bình có 19/38 câu trả lời, chiếm 50%; mức độ thấp có 02/38 câu trả lời, chiếm 5,3%.

d) Đánh giá tính cần thiết của việc công chứng các hợp đồng, giao dịch

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về tính cần thiết của việc công chứng các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Có 47/50 câu trả lời đánh giá về việc công chứng các hợp đồng, giao dịch là cần thiết, chiếm 94%. Trong đó có 39/50 câu trả lời cho rằng việc công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp cho hợp đồng, giao dịch dân sự, chiếm 92,9%; 29/50 câu trả lời cho rằng việc công chứng giúp quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể được bảo vệ, chiếm 69%; 24/50 câu trả lời cho rằng việc công chứng được thực hiện thông qua một quy trình, thủ tục chặt chẽ, chiếm 57,1%; 22/50 câu trả lời cho rằng việc công chứng thực hiện bởi công chứng viên có trình độ chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm và sự am hiểu pháp luật, chiếm 52,4%.

- Có 03/50 câu trả lời đánh giá về việc công chứng các hợp đồng, giao dịch là không cần thiết, chiếm 6%.

đ) Về việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng như sau:

- Có 50/50 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng đã đầy đủ, chiếm %.

- Có 0/50 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng chưa đầy đủ, chiếm 0%.

e) Về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề công chứng như sau:

- Có 20/48 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề công chứng đã bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, chiếm 41,7%.

- Có 28/48 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề công chứng không bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, việc kiểm tra giấy tờ thật, việc đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kỹ năng, kinh nghiệm của công chứng viên, chiếm 58,3%.

g) Về năng lực, trình độ của người thực hiện công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về năng lực, trình độ của người thực hiện công chứng như sau:

- Có 31/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định của pháp luật trên nhiều lĩnh vực, chiếm 63,3%.

- Có 17/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định về công chứng nhưng chưa thực sự am hiểu pháp luật các lĩnh vực khác, chiếm 34,7%.

- Có 01/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có mức độ am hiểu quy định của pháp luật về công chứng ở mức độ trung bình, chiếm 2%.

- Có 0/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng chưa thực sự nắm vững quy định của hệ thống văn bản pháp luật về công chứng, chiếm 0%.

1.3. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về công chứng

a) Về thủ tục công chứng đã thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 47 câu trả lời, cho biết đã từng thực hiện thủ tục công chứng, như sau:

- Có 23/47 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền, chiếm 48,9%.

- Có 18/47 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng bản dịch, chiếm 38,3%.

- Có 33/47 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch khác, chiếm 70,2%.

b) Về việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng của tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng của tổ chức hành nghề công chứng, như sau:

- Có 50/50 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, chiếm 100%.

- Có 0/50 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, chiếm 0%.

c) Về việc thực hiện quy định về thời hạn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thời hạn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng, như sau:

- Có 50/50 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện đúng quy định về thời hạn công chứng, chiếm 100%.

- Có 0/50 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện đúng quy định về thời hạn công chứng, chiếm 0%.

d) Về việc thực hiện quy định về phí, thù lao công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 47 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng, như sau:

- Có 47/47 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng đã được thực hiện đúng quy định, chiếm 100%.

- Có 0/50 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng được thực hiện không đúng quy định, chiếm %.

đ) Về địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay, như sau:

- Có 48/49 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay có thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, khách hàng đến giao dịch, chiếm 98%.

- Có 01/49 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay không thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, khách hàng đến giao dịch, chiếm 2%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho biết khu vực các huyện Na Hang- Lâm Bình - Chiêm Hoá chưa có trụ sở tổ chức hành nghề công chứng, do đó người dân mất thời gian di chuyển xa đến nơi có trụ sở.

e) Về vấn đề thực hiện được thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng khác

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời, cho biết về việc thực hiện thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng khác, như sau:

- Có 44/50 câu trả lời cho biết chưa bao giờ bị từ chối thực hiện công chứng, chiếm 88%.

- Có 04/50 câu trả lời cho biết đã thực hiện được thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng khác, chiếm 8%.

- Có 02/50 câu trả lời cho biết đã từng bị từ chối thực hiện công chứng và không được tổ chức hành nghề công chứng khác thực hiện cho, chiếm 4%.

g) Đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, như sau:

- Có 14/49 câu trả lời cho biết có gặp khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, chiếm 28,6%. Trong đó 01 câu trả lời cho biết gặp khó khăn do có bất cập giữa quy định về thù lao công chứng, giữa lựa chọn của khách hàng về công chứng và chứng thực và 01 câu trả lời cho biết gặp khó khăn do việc tìm hiểu các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời.

- Có 35/49 câu trả lời cho biết không có gặp khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, chiếm 71,4%.

Qua khảo sát, có 12 tổ chức, cá nhân nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, gồm:

(1) Một số quy định của pháp luật còn bất cập.

(2) Một số người dân gặp khó khăn trong việc tiếp cận các quy định pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, đầy đủ nên nhiều người dân chưa hiểu rõ các quy định của pháp luật về công chứng.

(3) Khu vực các huyện Na Hang- Lâm Bình - Chiêm Hoá chưa có trụ sở tổ chức hành nghề công chứng, do đó người dân mất thời gian di chuyển xa đến nơi có trụ sở.

1.4. Đề xuất, kiến nghị đặc biệt là về xây dựng, hoàn thiện thể chế để nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong thời gian tới

Qua khảo sát, có 09 tổ chức, cá nhân đề xuất, kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong thời gian tới như sau:

- Đề nghị các cơ quan nhà nước tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật cho người dân, đặc biệt là các quy định mới; thường xuyên hướng dẫn để người dân dễ hiểu rõ quy định của pháp luật để thực hiện.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác quản lý nhà nước về công chứng.

- Đề nghị các tổ chức hành nghề công chứng nâng cao năng lực, trình độ của người làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ.

2. Kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về công chứng đối với cá nhân (Phiếu khảo sát số 02)

Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến trực tiếp của 100 cá nhân, gồm: cán bộ, công chức một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; cá nhân đến thực hiện thủ tục hành chính tại một số UBND huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn, tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

(1) Về giới tính: Nam 53 người, chiếm 53%; nữ 47 người, chiếm 47%.

(2) Về độ tuổi: Dưới 25 tuổi: 09 người, chiếm 9%; từ 26 đến 35 tuổi: 28 người, chiếm 28%; từ 36 đến 45 tuổi: 37 người, chiếm 37%; từ 46 đến 55 tuổi: 19 người, chiếm 19%; trên 55 tuổi: 07 người, chiếm 7%.

(3) Về trình độ học vấn: Sơ cấp 08 người, chiếm 4,1%; trung cấp 15 người, chiếm 5,4%, cao đẳng 14 người, chiếm 10,8%; đại học 46 người, chiếm 55,4%; thạc sỹ 18 người, chiếm 24,3%; tiến sỹ 0 người, chiếm 0%.

Kết quả khảo sát như sau:

2.1. Đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về công chứng ở địa phương

a) Về tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng theo quy định hiện hành

Qua khảo sát đã nhận được 97 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay, như sau:

- Có 93/97 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng quy định như hiện nay đã phù hợp, chiếm 95,9%.

- Có 4/97 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng quy định như hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 4,1%.

b) Về tính phù hợp của thời hạn công chứng theo quy định hiện hành

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay, như sau:

- Có 97/98 câu trả lời đánh giá thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay đã phù hợp, chiếm 99%.

- Có 01/98 câu trả lời đánh giá về thời hạn thực hiện công chứng quy định như hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 01%.

c) Về tính phù hợp của quy định về mức phí, thù lao công chứng như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định về mức phí, thù lao công chứng như hiện nay, như sau:

- Có 15/99 câu trả lời đánh giá mức phí, thù lao công chứng quy định như hiện nay cao, chiếm 15,2%.

- Có 78/99 câu trả lời đánh giá mức phí, thù lao công chứng quy định như hiện nay là phù hợp, chiếm 78,8%.

- Có 06/99 câu trả lời đánh giá mức phí, thù lao công chứng quy định như hiện nay thấp, chiếm 6,1%.

d) Về đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực, như sau:

- Có 99/99 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực là phù hợp, chiếm 100%.

- Có 0/100 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực là không phù hợp, chiếm 0%.

đ) Đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay, như sau:

- Có 95/99 câu trả lời đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 96%.

- Có 04/99 câu trả lời đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo, chiếm 04%. Trong đó có câu trả lời cho biết tôi đến công chứng đất đứng tên "hộ" tại văn phòng công chứng yêu cầu ra Công an xã nơi cư trú xác nhận số thành viên của "hộ" tại thời điểm cấp đất là tất cả các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên sang tới cán bộ địa chính thì tại thời điểm cấp đất chỉ có hai vợ chồng tôi không liên quan đến các con. Như vậy cùng là quy định nhưng cách hiểu tại các cơ quan là khác nhau, gây khó khăn cho dân

2.2. Đánh giá về tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về công chứng

a) Về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 54/99 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời và sinh động, chiếm 54,5%.

- Có 36/99 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời nhưng chưa sinh động, chiếm 36,4%.

- Có 08/99 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước đã được tiến hành sinh động nhưng chưa thường xuyên, kịp thời, chiếm 8,1%.

- Có 0/99 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước chưa thường xuyên, kịp thời và chưa sinh động, chiếm 0%.

- Có 01/99 câu trả lời có ý kiến khác trong đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về công chứng của cơ quan nhà nước, chiếm 01%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho biết không nhận được thông báo, tuyên truyền.

b) Về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng như sau:

- Có 77/100 câu trả lời cho biết đã thường xuyên được tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng, chiếm 77%.

- Có 16/100 câu trả lời cho biết đã được tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng nhưng không thường xuyên, chiếm 16%.

- Có 07/100 câu trả lời cho biết không được tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng, chiếm 7%.

c) Đánh giá về hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về công chứng

- Qua khảo sát đã nhận được 95 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động phát thanh, truyền hình: Mức độ rất cao có 16/95 câu trả lời, chiếm 16,8%; mức độ cao có 53/95 câu trả lời, chiếm 55,8%; mức độ trung bình có 26/95 câu trả lời, chiếm 27,4%; mức độ thấp có 0/95 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 94 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động tổ chức hội nghị, tập huấn, tọa đàm, diễn đàn: Mức độ rất cao có 15/94 câu trả lời, chiếm 16%; mức độ cao có 39/94 câu trả lời, chiếm 41,5%; mức độ trung

bình có 34/94 câu trả lời, chiếm 36,2%; mức độ thấp có 06/94 câu trả lời, chiếm 6,4%.

- Qua khảo sát đã nhận được 95 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước: Mức độ rất cao có 14/95 câu trả lời, chiếm 14,7%; mức độ cao có 51/95 câu trả lời, chiếm 53,7%; mức độ trung bình có 28/95 câu trả lời, chiếm 29,5%; mức độ thấp có 02/95 câu trả lời, chiếm 2,1%.

- Qua khảo sát đã nhận được 94 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua mạng xã hội: Mức độ rất cao có 17/94 câu trả lời, chiếm 18,1%; mức độ cao có 38/94 câu trả lời, chiếm 40,4%; mức độ trung bình có 37/94 câu trả lời, chiếm 39,4%; mức độ thấp có 02/94 câu trả lời, chiếm 2,1%.

- Qua khảo sát đã nhận được 93 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động họp thôn, bản, tổ dân phố: Mức độ rất cao có 13/93 câu trả lời, chiếm 14%; mức độ cao có 26/93 câu trả lời, chiếm 28%; mức độ trung bình có 48/93 câu trả lời, chiếm 51,6%; mức độ thấp có 06/93 câu trả lời, chiếm 6,5%.

- Qua khảo sát đã nhận được 71 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của các hình thức khác nhằm thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn: Mức độ rất cao có 08/71 câu trả lời, chiếm 11,3%; mức độ cao có 21/71 câu trả lời, chiếm 29,6%; mức độ trung bình có 32/71 câu trả lời, chiếm 45,1%; mức độ thấp có 10/71 câu trả lời, chiếm 14,1%.

d) Về việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 87 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng như sau:

- Có 77/87 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng đã đầy đủ, chiếm 88,5%.

- Có 10/87 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng không đầy đủ, chiếm 11,5%. Trong đó, có 02 câu trả lời nêu rõ việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề công chứng chưa đầy đủ vì thiếu trang bị kiểm tra giấy tờ thật hay giả và 01 câu trả lời cho biết việc thực hiện công chứng đôi khi máy móc còn chậm không kịp thời.

đ) Về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 97 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề công chứng như sau:

- Có 60/97 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề công chứng đã bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, chiếm 61,9%.

- Có 37/97 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề công chứng không bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, việc kiểm tra giấy tờ thật, việc đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kỹ năng, kinh nghiệm của công chứng viên, chiếm 38,1%.

e) Về năng lực, trình độ của người thực hiện công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời đánh giá về năng lực, trình độ của người thực hiện công chứng như sau:

- Có 72/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định của pháp luật trên nhiều lĩnh vực, chiếm 73,5%.

- Có 18/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định về công chứng nhưng chưa thực sự am hiểu pháp luật các lĩnh vực khác, chiếm 18,4%.

- Có 06/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng có mức độ am hiểu quy định của pháp luật về công chứng ở mức độ trung bình, chiếm 6,1%.

- Có 02/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện công chứng chưa thực sự nắm vững quy định của hệ thống văn bản pháp luật về công chứng, chiếm 02 %.

2.3. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về công chứng

a) Về việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng của tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 97 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng của tổ chức hành nghề công chứng, như sau:

- Có 97/97 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, chiếm 97%.

- Có 0/97 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng, chiếm 0%.

b) Về việc thực hiện quy định về thời hạn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thời hạn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng, như sau:

- Có 97/99 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện đúng quy định về thời hạn công chứng, chiếm 98%.

- Có 02/99 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện đúng quy định về thời hạn công chứng, chiếm 02%.

c) Về việc thực hiện quy định về phí, thù lao công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 96 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng, như sau:

- Có 96/96 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng đã được thực hiện đúng quy định, chiếm 100%.

- Có 0/96 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao công chứng được thực hiện không đúng quy định, chiếm 0%.

d) Về địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay, như sau:

- Có 98/98 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay có thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, khách hàng đến giao dịch, chiếm %.

- Có 0/98 câu trả lời đánh giá địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng hiện nay không thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, khách hàng đến giao dịch, chiếm 0%.

đ) Về vấn đề thực hiện được thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng khác

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời, trong đó cho biết việc thực hiện được thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng khác sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng, như sau:

- Có 86/98 câu trả lời cho biết chưa bao giờ bị từ chối thực hiện công chứng, chiếm 87,8%.

- Có 04/98 câu trả lời cho biết đã thực hiện được thủ tục công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng sau khi bị từ chối thực hiện công chứng ở một tổ chức hành nghề công chứng khác, chiếm 4,1%.

- Có 08/98 câu trả lời cho biết đã từng bị từ chối thực hiện công chứng và không được tổ chức hành nghề công chứng khác thực hiện cho, chiếm 8,2%.

e) Về thủ tục công chứng đã thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời của các cá nhân, trong đó đã từng thực hiện thủ tục công chứng, như sau:

- Có 71/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chiếm 71%.

- Có 19/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền, chiếm 19%.

- Có 03/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công di chúc, chiếm 03%.

- Có 04/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản, từ chối nhận di sản, chiếm 04%.
- Có 16/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công bản dịch, chiếm 16%.
- Có 47/100 câu trả lời đã thực hiện thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch khác, chiếm 47%.

g) Đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, như sau:

- Có 27/99 câu trả lời cho biết đã gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, chiếm 27,3%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho rằng gặp khó khăn do có quá ít tổ chức hành nghề công chứng; 01 câu trả lời cho rằng việc thực hiện thủ tục công chứng đôi khi chậm, gây mất thời gian của người dân.

- Có 72/99 câu trả lời cho biết không gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng, chiếm 72,7%.

2.4. Đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong thời gian tới

Qua khảo sát, có 12 câu trả lời đưa ra đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong thời gian tới, gồm:

(1) Công chứng viên cần tham gia nhiều lớp học tập huấn, nâng cao nghiệp vụ, trình độ, nâng cao kiến thức để phục vụ nhân dân; thái độ phục vụ cần niềm nở hơn

(2) Cần đơn giản hóa, thống nhất quy định về thành phần hồ sơ đề nghị công chứng

(3) Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền pháp luật, giáo dục pháp luật về công chứng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn đặc biệt; biên soạn các tài liệu tuyên truyền công chứng ngắn gọn, và tăng cường truyền thông qua hình thức họp tại tổ dân phố.

(4) Cần đầu tư đầy đủ trang thiết bị phục vụ công việc

3. Kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về chứng thực đối với cơ quan, đơn vị (Phiếu khảo sát số 03)

Sở Tư pháp đã khảo sát, lấy ý kiến của 50 cơ quan, đơn vị: Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Công an tỉnh; các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban

nhân dân một số xã, phường, thị trấn; một số doanh nghiệp, hợp tác xã về tình hình thi hành pháp luật, việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực. Kết quả cụ thể như sau:

3.3.1. Đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về chứng thực ở địa phương

a) Về mức độ kịp thời, đầy đủ trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước, như sau:

- Có 33/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực chưa kịp thời, chưa đầy đủ, chiếm 66%.

- Có 11/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực kịp thời nhưng chưa đầy đủ, chiếm 22%.

- Có 5/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực đầy đủ nhưng chưa kịp thời, chiếm 10%.

- Có 01/50 câu trả lời đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực kịp thời và đầy đủ, chiếm 02%.

b) Đánh giá mức độ cần thiết ban hành Luật Chứng thực để điều chỉnh các quan hệ về chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 44 câu trả lời đánh giá mức độ cần thiết ban hành Luật Chứng thực để điều chỉnh các quan hệ về chứng thực, như sau:

- Có 32/44 câu trả lời cho rằng không cần thiết ban hành Luật Chứng thực để điều chỉnh các quan hệ về chứng thực vì đã có Nghị định, Thông tư điều chỉnh, chiếm 72,7%.

- Có 12/44 câu trả lời cho rằng cần thiết ban hành Luật Chứng thực để khắc phục tình trạng các quy định về chứng thực nằm rải rác ở nhiều văn bản như hiện nay, chiếm 27,3%.

c) Về tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực, thời hạn thực hiện chứng thực theo quy định hiện hành

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực, thời hạn thực hiện chứng thực quy định như hiện nay, như sau:

- Có 48/48 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực quy định như hiện nay đã phù hợp, chiếm 100%.

- Có 0/48 câu trả lời đánh giá thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực quy định như hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 0%.

d) Về tính phù hợp của quy định về mức phí chứng thực như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định về mức phí, thủ tục chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 04/49 câu trả lời đánh giá mức phí chứng thực quy định như hiện nay cao, chiếm 8,2%.

- Có 42/49 câu trả lời đánh giá mức phí chứng thực quy định như hiện nay là phù hợp, chiếm 85,7%.

- Có 03/49 câu trả lời đánh giá mức phí chứng thực quy định như hiện nay thấp, chiếm 6,1%.

đ) Về đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục chứng thực hoặc chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục chứng thực hoặc chứng thực, như sau:

- Có 43/48 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục chứng thực hoặc chứng thực là phù hợp, chiếm 89,6%.

- Có 05/48 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục chứng thực hoặc chứng thực là không phù hợp, chiếm 10,4%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho rằng cần có quy định thống nhất, 01 câu trả lời cho rằng quy định nêu trên không đảm bảo an toàn pháp lý và 01 câu trả lời cho rằng có những văn bản bắt buộc phải chứng nhận nội dung chứ không thể chứng thực chữ ký được.

e) Đánh giá tính phù hợp trong việc quy định nhiều cơ quan/cá nhân có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá tính phù hợp trong việc quy định nhiều cơ quan/cá nhân có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 50/50 câu trả lời đánh giá việc quy định nhiều cơ quan/cá nhân có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay là phù hợp, chiếm 100%.

- Có 0/50 câu trả lời đánh giá việc quy định nhiều cơ quan/cá nhân có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay là không phù hợp, chiếm 0%.

g) Đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 47 câu trả lời đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay, như sau:

- Có 44/47 câu trả lời đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 93,6%.

- Có 03/47 câu trả lời đánh giá về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo, chiếm 6,4%.

3.2. Đánh giá về tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về chứng thực

a) Về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 23/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời và sinh động, chiếm 46%.

- Có 22/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời nhưng chưa sinh động, chiếm 44%.

- Có 04/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước đã được tiến hành sinh động nhưng chưa thường xuyên, kịp thời, chiếm 08%.

- Có 01/50 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước chưa thường xuyên, kịp thời và chưa sinh động, chiếm 02%.

- Có 0/50 câu trả lời có ý kiến khác trong đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước, chiếm 0%.

b) Về hình thức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực như sau:

- Có 34/49 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước thông qua hình thức cung cấp tờ rơi, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chiếm 69,4%.

- Có 32/49 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước thông qua tham gia các hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tập huấn, chiếm 65,3%.

- Có 31/49 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước thông qua website của các cơ quan nhà nước, chiếm 63,3%.

- Có 21/49 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước thông qua chương trình phát thanh, truyền thanh, truyền hình, chiếm 42,9%.

- Có 0/49 câu trả lời cho biết đã được thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động khác, chiếm 0%.

c) Đánh giá về hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực

- Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp tờ rơi, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Mức độ rất cao có 07/49 câu trả lời, chiếm 14,3%; mức độ cao có 29/49 câu trả lời, chiếm 59,2%; mức độ trung bình có 13/49 câu trả lời, chiếm 26,5%; mức độ thấp có 0/49 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tập huấn: Mức độ rất cao có 11/49 câu trả lời, chiếm 22,4%; mức độ cao có 28/49 câu trả lời, chiếm 57,1%; mức độ trung bình có 09/49 câu trả lời, chiếm 18,4%; mức độ thấp có 01/49 câu trả lời, chiếm 02%.

- Qua khảo sát đã nhận được 45 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin qua website của cơ quan nhà nước: Mức độ rất cao có 07/45 câu trả lời, chiếm 15,6%; mức độ cao có 29/45 câu trả lời, chiếm 64,4%;

mức độ trung bình có 09/45 câu trả lời, chiếm 20%; mức độ thấp có 0/45 câu trả lời, chiếm 0%.

- Qua khảo sát đã nhận được 43 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua chương trình phát thanh, truyền hình: Mức độ rất cao có 07/43 câu trả lời, chiếm 16,3%; mức độ cao có 22/43 câu trả lời, chiếm 51,2%; mức độ trung bình có 12/43 câu trả lời, chiếm 27,9%; mức độ thấp có 02/43 câu trả lời, chiếm 4,7%.

- Qua khảo sát đã nhận được 37 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của các hoạt động khác nhằm thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn: Mức độ rất cao có 03/37 câu trả lời, chiếm 8,1%; mức độ cao có 20/37 câu trả lời, chiếm 54,1%; mức độ trung bình có 12/37 câu trả lời, chiếm 32,4%; mức độ thấp có 02/37 câu trả lời, chiếm 5,4%.

d) Đánh giá tính cần thiết của việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch, bản dịch

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá về tính cần thiết của việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Có 48/50 câu trả lời đánh giá về việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch là cần thiết, chiếm 96%. Trong đó có 45 câu trả lời của các cơ quan, đơn vị giải thích tính cần thiết của việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch như sau: 37/45 câu trả lời cho rằng việc bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, chiếm 82,2%; 32/45 câu trả lời cho rằng chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản, chiếm 71,1%; 36/45 câu trả lời cho rằng hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, chiếm 80%; 26/45 câu trả lời cho rằng bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, chiếm 57,8%.

- Có 02/50 câu trả lời đánh giá về việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch là không cần thiết, chiếm 04%.

đ) Về việc trang bị cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời đánh giá việc trang bị cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực như sau:

- Có 43/50 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề chứng thực đã đầy đủ, chiếm 86%.

- Có 07/50 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động hành nghề chứng thực không đầy đủ, chiếm 34%. Trong đó, có 03 câu trả lời cho rằng còn thiếu máy scan, 02 câu trả lời cho rằng còn thiếu máy tính hoặc máy tính đã cũ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và 01 câu trả lời cho rằng còn thiếu máy photo.

e) Về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại UBND cấp xã, UBND cấp huyện hoặc tại các tổ chức hành nghề chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề chứng thực như sau:

- Có 16/48 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề chứng thực đã bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, chiếm 33,3%.

- Có 32/48 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề chứng thực không bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, việc kiểm tra giấy tờ thật, việc đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kỹ năng, kinh nghiệm của người thực hiện chứng thực, chiếm 66,7%.

g) Về năng lực, trình độ của người thực hiện chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá về năng lực, trình độ của người thực hiện chứng thực như sau:

- Có 22/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định của pháp luật trên nhiều lĩnh vực, chiếm 44,9%.

- Có 23/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, am hiểu pháp luật và nắm vững các quy định về chứng thực nhưng chưa thực sự am hiểu pháp luật các lĩnh vực khác, chiếm 46,9%.

- Có 04/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có mức độ am hiểu quy định của pháp luật về chứng thực ở mức độ trung bình, chiếm 8,2%.

- Có 0/49 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực chưa thực sự nắm vững quy định của hệ thống văn bản pháp luật về chứng thực, chiếm 0%.

h) Về quy định về việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 50 câu trả lời về việc nắm được quy định về việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, như sau:

- Có 37/50 câu trả lời có biết đến quy định về thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 74%. Trong đó có 21/50 câu trả lời cho biết đã từng yêu cầu thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 61,8%; có 13/50 câu trả lời cho biết chưa từng yêu cầu thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 38,2%. Trong đó, có 02 câu trả lời nêu rõ nguyên nhân chưa thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính do chưa có nhu cầu, 01 câu trả lời cho biết vì công dân

chưa có nhu cầu và điều kiện về trang thiết bị thực hiện và 01 câu trả lời cho rằng vì chưa có văn bản nào hướng dẫn chứng thực bản sao điện tử.

- Có 13/50 câu trả lời không biết đến quy định về thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 26%.

3.3. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về chứng thực

a) Về tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, như sau:

- Có 31/48 câu trả lời đánh giá hiện nay còn tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 64,6%. Trong đó có 27 câu trả lời cho biết nguyên nhân của tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính như sau: 12/27 câu trả lời đánh giá do công tác tuyên truyền, thông tin về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính còn chưa đầy đủ, thường xuyên, chiếm 44,4%; 17/27 câu trả lời đánh giá do tâm lý “ngại” đối chiếu, “sợ trách nhiệm” của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức, chiếm 63%; 09/27 câu trả lời đánh giá do quan nhà nước chưa kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, tuyên truyền về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 33,3%; 09/27 câu trả lời đánh giá do công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính chưa hiệu quả, chiếm 33,3%; 15/27 câu trả lời đánh giá do chưa có chế tài xử lý nghiêm đối với việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 55,6%; 0/27 câu trả lời đánh giá do nguyên nhân khác dẫn tới việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 0%.

b) Về việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ chứng thực, thời hạn chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thời hạn chứng thực của tổ chức hành nghề chứng thực, như sau:

- Có 48/49 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề chứng thực đã thực hiện đúng quy định về thời hạn chứng thực, chiếm 98%.

- Có 01/49 câu trả lời đánh giá tổ chức hành nghề chứng thực không thực hiện đúng quy định về thời hạn chứng thực, chiếm 02%.

c) Về việc thực hiện quy định về phí chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 49 câu trả lời đánh giá việc thu phí chứng thực, như sau:

- Có 49/49 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao chứng thực đã được thực hiện đúng quy định, chiếm 100%.

- Có 0/49 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao chứng thực được thực hiện không đúng quy định, chiếm 0%.

d) *Đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực*

Qua khảo sát đã nhận được 48 câu trả lời đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, như sau:

- Có 03/48 câu trả lời cho biết đã gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, chiếm 6,3%.

- Có 45/48 câu trả lời cho biết không gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, chiếm 93,8%.

3.4. Đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực trong thời gian tới

Qua khảo sát, có 20 tổ chức, cá nhân đề xuất, kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong thời gian tới như sau:

- Đề nghị cơ quan nhà nước tăng cường tổ chức các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ tập huấn nghiệp vụ chứng thực cho đội ngũ Tư Pháp - Hộ tịch;

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, về hoạt động chứng thực gắn với các văn bản, quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn pháp luật về chứng thực thông qua các cuộc hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, thông qua các chương trình truyền hình và các hoạt động khác;

- Bố trí trang thiết bị kỹ thuật phục vụ kiểm tra giấy tờ để xác định thật - giả, và bố trí thêm cơ sở vật chất, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chứng thực.

- Nâng cao chất lượng, tinh thần thái độ phục vụ của người làm công tác chứng thực.

4. Kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về chứng thực đối với các cá nhân (Phiếu khảo sát số 04)

Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của 100 cá nhân, gồm: cán bộ, công chức một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; cá nhân đến thực hiện thủ tục hành chính tại một số UBND huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn, tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh về tình hình thi hành pháp luật về chứng thực. Cụ thể:

(1) Về giới tính: Nam 51 người, chiếm 51%; nữ 46 người, chiếm 46%.

(2) Về độ tuổi: Dưới 25 tuổi: 8 người, chiếm 8%; từ 26 đến 35 tuổi: 35 người, chiếm 35%; từ 36 đến 45 tuổi: 31 người, chiếm 31%; từ 46 đến 55 tuổi: 18 người, chiếm 18%; trên 55 tuổi: 8 người, chiếm 8%.

(3) Về trình độ học vấn: Sơ cấp 09 người, chiếm 9%; trung cấp 13 người, chiếm 13%, cao đẳng 06 người, chiếm 6%; đại học 62 người, chiếm 62%; thạc sỹ 10 người, chiếm 10%; tiến sỹ 0 người, chiếm 0%.

Kết quả khảo sát như sau:

4.1. Đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về chứng thực ở địa phương

a) Về tính phù hợp của quy định nhiều cơ quan/người có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá tính phù hợp của quy định nhiều cơ quan/người có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 94/99 câu trả lời đánh giá quy định nhiều cơ quan/người có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay là phù hợp, chiếm 94,9%.

- Có 05/99 câu trả lời đánh giá quy định nhiều cơ quan/người có thẩm quyền thực hiện chứng thực như hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 5,1%.

b) Về tính phù hợp của quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 97/100 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực như hiện nay đã phù hợp, chiếm 97%.

- Có 03/100 câu trả lời đánh giá quy định cùng là hợp đồng, giao dịch nhưng người có yêu cầu được lựa chọn thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực như hiện nay không phù hợp, chiếm 03%.

c) Đánh giá tính cần thiết của việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch, bản dịch

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về tính cần thiết của việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch, bản dịch như sau:

- Có 91/100 câu trả lời đánh giá về việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch là cần thiết, chiếm 91%. Trong đó có 85 câu trả lời của các cá nhân, trong đó lý giải cụ thể tại việc cho rằng việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch, bản dịch là cần thiết, cụ thể: 64/85 câu trả lời cho rằng việc chứng thực ản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, chiếm 75,3%; 54/85 câu trả lời cho rằng việc chứng thực giúp hữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản, chiếm 63,5%; 45/85 câu trả lời cho rằng hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện,

chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, chiếm 52,9%; 24/85 câu trả lời cho rằng bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, chiếm 28,2%.

- Có 09/100 câu trả lời đánh giá về việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch là không cần thiết, chiếm 09%.

d) Về tính phù hợp của thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực quy định như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về quy định thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 95/100 câu trả lời cho rằng quy định thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực như hiện nay đã phù hợp, chiếm 95%.

- Có 05/100 câu trả lời cho rằng quy định thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực như hiện nay chưa phù hợp, chiếm 05%.

đ) Về tính phù hợp của mức phí chứng thực quy định như hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về quy định mức phí chứng thực như hiện nay, như sau:

- Có 10/100 câu trả lời cho rằng quy định về mức phí như hiện nay cao, chiếm 10%.

- Có 84/100 câu trả lời cho rằng quy định về mức phí như hiện nay là phù hợp, chiếm 84%.

- Có 06/100 câu trả lời cho rằng quy định về mức phí như hiện nay thấp, chiếm 06%.

e) Đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá chung về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay, như sau:

- Có 100/100 câu trả lời cho rằng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 100%.

- Có 0/100 câu trả lời cho rằng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực hiện nay hợp lý, còn nhiều bất cập, chông chéo, chiếm 0%.

4.2. Đánh giá về tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về chứng thực

a) Về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến chứng thực của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 55/100 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước đã được tiến hành thường xuyên, chiếm 55%. Trong đó, có 90 câu trả lời cho biết hình thức công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước, cụ thể: có 39/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị, chiếm 43,3%; 45/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin bằng hình thức hát thanh, truyền hình, chiếm 50%; 36/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin tại các hội nghị, tập huấn, tọa đàm, diễn đàn, chiếm 40%; 44/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin qua mạng xã hội, chiếm 48,9%; 15/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin trên qua cuộc họp thôn, tổ dân phố, chiếm 16,7%; 01/90 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin bằng hình thức khác, chiếm 1,1%;

- Có 41/100 câu trả lời đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước đã được tiến hành nhưng không thường xuyên, chiếm 41%. Trong đó, có 20/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị, chiếm 48,8%; 05/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin bằng hình thức phát thanh, truyền hình, chiếm 12,2%; 29/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin tại các hội nghị, tập huấn, tọa đàm, diễn đàn, chiếm 70,7%; 22/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin qua mạng xã hội, chiếm 53,7%; 01/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin trên qua cuộc họp thôn, tổ dân phố, chiếm 2,4%; 02/41 câu trả lời cho biết đã được cung cấp thông tin bằng hình thức khác, chiếm 4,9%;

- Có 04/100 câu trả lời cho rằng không được tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến pháp luật về chứng thực, chiếm 4%.

b) Về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá về công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực của cơ quan nhà nước như sau:

- Có 50/99 câu trả lời đánh giá tác thông tin, tuyên truyền thường xuyên, kịp thời và sinh động, chiếm 50,5%.

- Có 37/99 câu trả lời đánh giá tác thông tin, tuyên truyền thường xuyên, kịp thời nhưng chưa sinh động, chiếm 37,4%.

- Có 07/99 câu trả lời đánh giá tác thông tin, tuyên truyền sinh động nhưng chưa thường xuyên, kịp thời, chiếm 7,1%.

- Có 05/99 câu trả lời đánh giá tác thông tin, tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa kịp thời và sinh động, chiếm 5,1%.

- Có 0/99 câu trả lời khác, chiếm 0%.

c) Đánh giá về hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về chứng thực

- Qua khảo sát đã nhận được 95 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp tờ rơi, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Mức độ rất cao có 12/95 câu trả lời, chiếm 12,6%; mức độ cao có 39/95 câu trả lời, chiếm 41,1%; mức độ trung bình có 37/95 câu trả lời, chiếm 38,9%; mức độ thấp có 07/95 câu trả lời, chiếm 7,4%.

- Qua khảo sát đã nhận được 96 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tập huấn: Mức độ rất cao có 17/96 câu trả lời, chiếm 17,7%; mức độ cao có 42/96 câu trả lời, chiếm 43,8%; mức độ trung bình có 34/96 câu trả lời, chiếm 35,4%; mức độ thấp có 03/96 câu trả lời, chiếm 3,1%.

- Qua khảo sát đã nhận được 94 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua website của cơ quan nhà nước: Mức độ rất cao có 14/94 câu trả lời, chiếm 14,9%; mức độ cao có 38/94 câu trả lời, chiếm 40,4%; mức độ trung bình có 41/94 câu trả lời, chiếm 43,6%; mức độ thấp có 01 /94 câu trả lời, chiếm 1,1%.

- Qua khảo sát đã nhận được 82 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thông qua chương trình phát thanh, truyền hình: Mức độ rất cao có 10/82 câu trả lời, chiếm 12,2%; mức độ cao có 43/82 câu trả lời, chiếm 52,4%; mức độ trung bình có 27/82 câu trả lời, chiếm 32,9%; mức độ thấp có 02/82 câu trả lời, chiếm 2,4%.

- Qua khảo sát đã nhận được 69 câu trả lời đánh giá về hiệu quả của hoạt động khác trong thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật, văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về chứng thực: Mức độ rất cao có 08/69 câu trả lời, chiếm 11,6%; mức độ cao có 27/69 câu trả lời, chiếm 39,1%; mức độ trung bình có 27/69 câu trả lời, chiếm 39,1%; mức độ thấp có 07/69 câu trả lời, chiếm 10,1%.

d) Về việc bố trí trang bị cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực như sau:

- Có 84/99 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực đã đầy đủ, chiếm 84,8%.

- Có 15/99 câu trả lời đánh giá việc trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động chứng thực không đầy đủ, chiếm 15,2%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho biết cần thay đổi hoặc bổ sung thêm phương tiện và người để làm nhanh hơn.

đ) Về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại UBND cấp xã, UBND cấp huyện hoặc tại các tổ chức hành nghề chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá về việc bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả tại tổ chức hành nghề chứng thực như sau:

- Có 60/100 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề chứng thực đã bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, chiếm 60%.

- Có 40/100 câu trả lời cho thấy các tổ chức hành nghề chứng thực không bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, việc kiểm tra giấy tờ thật, việc đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kỹ năng, kinh nghiệm của chứng thực viên, chiếm 40%.

e) Về năng lực, trình độ của người thực hiện chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời đánh giá về năng lực, trình độ của người thực hiện chứng thực như sau:

- Có 58/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có năng lực, trình độ, am hiểu pháp luật và nắm chắc các quy định của pháp luật trên nhiều lĩnh vực, chiếm 59,2%.

- Có 29/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có năng lực, trình độ, am hiểu pháp luật và nắm chắc các quy định về chứng thực nhưng chưa thực sự am hiểu pháp luật các lĩnh vực khác, chiếm 29,6%.

- Có 07/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực có năng lực, trình độ, am hiểu pháp luật và nắm chắc các quy định của pháp luật về chứng thực ở mức độ trung bình, chiếm 7,1%.

- Có 04/98 câu trả lời đánh giá người thực hiện chứng thực chưa thực sự nắm vững quy định của hệ thống văn bản pháp luật về chứng thực, chiếm 4,1%.

g) Về quy định về việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 98 câu trả lời đánh giá về việc nắm được quy định về việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, như sau:

- Có 57/98 câu trả lời có biết đến quy định về thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 58,2%. Trong đó, có 51 câu trả lời cho biết đã từng yêu cầu thực hiện thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 85,2%; 08/98 câu trả lời cho biết chưa từng yêu cầu thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 14,8% (trong các trường hợp chưa từng yêu cầu thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, có 02 câu trả lời cho biết chưa từng thực hiện do bản thân chưa có nhu cầu).

- Có 41/98 câu trả lời không biết đến quy định về thực hiện thủ tục bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 41,8%.

h) Về việc biết đến quy định về đẩy mạnh việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 96 câu trả lời đánh giá về việc đẩy mạnh về việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, như sau:

- Có 62/96 câu trả lời cho rằng cần tăng cường tuyên truyền, thông tin về lợi ích của việc thực hiện thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, chiếm 64,6%.

- Có 68/96 câu trả lời cho rằng cần quan tâm trang bị, bố trí đầy đủ trang thiết bị (*máy tính, máy scan...*) phục vụ việc chứng thực bản sao từ bản chính điện tử, chiếm 70,8%.

- Có 32/96 câu trả lời cho rằng cần có hình thức khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện tốt việc chứng thực bản sao từ bản chính điện tử, chiếm 33,3%.

- Có 0/100 câu trả lời cho rằng cần thực hiện các giải pháp khác nhằm triển khai thực hiện tốt việc chứng thực bản sao từ bản chính điện tử, chiếm 0%.

4.3. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về chứng thực

a) Về việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 99 câu trả lời đánh giá việc thực hiện quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực của tổ chức hành nghề chứng thực, như sau:

- Có 97/99 câu trả lời đánh giá việc chứng thực đã thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực, chiếm 98%.

- Có 02/99 câu trả lời đánh giá việc chứng thực không thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn chứng thực, chiếm 02%.

b) Về việc thực hiện quy định về phí chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá việc thu phí, thù lao chứng thực, như sau:

- Có 99/100 câu trả lời đánh giá việc thu phí chứng thực đã được thực hiện đúng quy định, chiếm 99%.

- Có 01/100 câu trả lời đánh giá việc thu phí chứng thực được thực hiện không đúng quy định, chiếm 01%.

c) Về tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, như sau:

- Có 58/100 câu trả lời đánh giá hiện nay còn tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 58%. Trong đó 53 câu trả lời cho biết nguyên nhân của việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, cụ thể 30/53 câu trả lời đánh giá do công tác tuyên truyền, thông tin về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính còn chưa đầy đủ, thường xuyên, chiếm 56,6%; 36/53 câu trả lời đánh giá do tâm lý “ngại” đối chiếu, “sợ trách nhiệm” của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức, chiếm 67,9%; 12/53 câu trả lời đánh giá do quan nhà nước chưa kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, tuyên truyền về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 22,6%; 08/53 câu trả lời đánh giá do công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính chưa hiệu quả, chiếm 15,1%; 10/53 câu trả lời đánh giá do chưa có chế tài xử lý nghiêm đối với việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 18,9%; 0/100 câu trả lời đánh giá do nguyên nhân khác dẫn tới việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 0%;

- Có 42/100 câu trả lời đánh giá hiện nay không còn tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 42%.

d) Về khắc phục tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời, trong đó đánh giá một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, như sau:

- Có 73/100 câu trả lời cho rằng cần tăng cường tuyên truyền, thông tin về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 73%.

- Có 58/100 câu trả lời cho rằng cơ quan nhà nước cần kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, tuyên truyền về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 58%.

- Có 45/100 câu trả lời cho rằng cơ quan nhà nước cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 45%.

- Có 27/100 câu trả lời cho rằng cần có chế tài xử lý nghiêm đối với việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 27%.

- Có 0/100 câu trả lời cho rằng cần có giải pháp khác nhằm hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính, chiếm 0%.

đ) Đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực

Qua khảo sát đã nhận được 100 câu trả lời đánh giá khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, như sau:

- Có 18/100 câu trả lời cho biết đã gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, chiếm 18%. Trong đó, có 01 câu trả lời cho biết gặp phải khó khăn vì đôi lúc việc thực hiện thủ tục chứng thực chậm, không kịp thời.

- Có 82/100 câu trả lời cho biết không gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục chứng thực, chiếm 82%.

Qua khảo sát, có 17 tổ chức, cá nhân nêu các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về chứng thực, cụ thể như sau:

*** Khó khăn, vướng mắc:**

(1) Đôi lúc việc thực hiện thủ tục chứng thực chậm, không kịp thời.

(2) Người làm và cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

4.4. Đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác chứng thực trong thời gian tới

- Đề nghị các cơ quan nhà nước tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật cho người dân, đặc biệt là các quy định mới; thường xuyên hướng dẫn để người dân dễ hiểu rõ quy định của pháp luật để thực hiện.

- Cần bổ sung thêm phương tiện và người làm việc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua khảo sát cho thấy công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực công chứng, chứng thực đã đạt được một số kết quả nhất định, như: việc thực hiện các thủ tục hành chính về công chứng, chứng thực về cơ bản đã tuân thủ đúng quy định về thành phần hồ sơ, mức chi phí tuân thủ (*phí, thù lao*), thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả; các chính sách, quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hầu hết được công khai rộng rãi, thông tin tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cho công chức, viên chức công tác tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân tiếp cận các chính sách dễ dàng, chủ động liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; phần lớn các tổ chức, cá nhân hiểu rõ các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

Thông qua kết quả khảo sát xác định được một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quy định của pháp luật về lĩnh vực công chứng, chứng thực; nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, khó khăn, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng, chứng thực.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, qua khảo sát nhận thấy còn một số tồn tại, hạn chế như: hiện nay, chưa có Luật Chứng thực để điều chỉnh các quan hệ về

chứng thực, các quy định về chứng thực nằm rải rác ở nhiều văn bản dưới luật; việc thực hiện thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính còn ít; vẫn còn tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính tại một số cơ quan, đơn vị; phần lớn UBND cấp xã, cấp huyện, các tổ chức hành nghề công chứng chưa được bố trí trang thiết bị kiểm tra giấy tờ là thật hay giả, việc kiểm tra giấy tờ thật, đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kỹ năng, kinh nghiệm của công chứng viên, người thực hiện chứng thực; còn tình trạng có hồ sơ công chứng không đảm bảo bị từ chối thực hiện công chứng ở tổ chức hành nghề công chứng này nhưng vẫn được tổ chức hành nghề công chứng khác thực hiện; cơ sở vật chất, nhân lực đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác công chứng, chứng thực có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Ngoài ra, quy định của pháp luật về công chứng qua thực tiễn thực hiện còn có bất cập như: Theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn công chứng đối với hợp đồng, giao dịch dân sự tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Phòng Tư pháp hoặc UBND cấp xã (*nếu là chứng thực hợp đồng, giao dịch quyền sử dụng đất thì thực hiện tại UBND cấp xã nơi có đất theo quy định của Luật Đất đai*), cụ thể:

Tại các tổ chức hành nghề công chứng: Mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính*) với mức thu phí chủ yếu tính theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch. Tại Phòng Tư pháp hoặc UBND cấp xã: Mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực với mức thu phí chứng thực hợp đồng, giao dịch là 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Điều này đã tạo nên sự “phân biệt” đối với người dân khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch. Với tâm lý cùng là một hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, nhà ở nhưng khi thực hiện công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng thì mức thu phí cao hơn nhiều lần so với việc chứng thực tại UBND cấp xã nơi có đất. Do đó, nhiều cá nhân, tổ chức đã lựa chọn chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thực tế trường hợp UBND cấp xã chỉ xác nhận về chữ ký, không xác nhận về nội dung của hợp đồng do người có yêu cầu tự lập tiềm ẩn nhiều phát sinh tranh chấp liên quan đến nội dung hợp đồng, đặc biệt hợp đồng, giao dịch về đất đai, tài sản gắn liền với đất.

3. Nguyên nhân

Do các quy định về chứng thực nằm rải rác ở nhiều văn bản, chưa có Luật điều chỉnh; công tác tuyên truyền, thông tin pháp luật có lúc, có nơi thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; việc tuyên truyền về hạn chế lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính còn chưa đầy đủ, thường xuyên và do tâm lý “ngại” đối chiếu, “sợ trách nhiệm” của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính nên vẫn yêu cầu người dân phải nộp bản sao có chứng thực; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính chưa hiệu quả; chưa có chế tài xử lý nghiêm đối với việc lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực từ bản chính; ở một số đơn vị kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực phục vụ công tác công chứng, chứng thực chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu việc chứng thực bản sao điện tử.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ, ngành Trung ương: Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật công chứng, chứng thực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác này; đề nghị các Bộ, ngành Trung ương kịp thời tham mưu cho Chính phủ trong việc hoàn thiện quy định của pháp luật có liên quan đến công chứng, chứng thực; rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành; quan tâm mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức để nắm vững quy định của pháp luật; kịp thời trao đổi, nắm bắt để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương.

2. Các Sở, ban, ngành

Đề nghị các Sở, ban, ngành tăng cường phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước theo lĩnh vực phụ trách; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính; tăng cường tuyên truyền, vận động việc hạn chế lạm dụng sử dụng bản sao có chứng thực; đẩy mạnh việc tiếp nhận thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 trên hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh/cổng dịch vụ công quốc gia, tăng cường vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nộp và thực hiện tiếp nhận các thành phần hồ sơ, giấy tờ là bản sao chứng thực điện tử.

3. UBND huyện, thành phố

Đề nghị UBND huyện, thành phố thường xuyên quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ công chức làm công tác chứng thực tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác chứng thực; tổ chức thanh tra, kiểm tra nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng sử dụng bản sao có chứng thực; đẩy mạnh thực

hiện chứng thực điện tử; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác công chứng, chứng thực như máy in, máy phô tô, máy scan, thiết bị kiểm tra giấy tờ thật - giả.

Trên đây là Báo cáo của Sở Tư pháp về kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
(N.H.Hương,33b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược